

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ ĐĂNG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/HS-ST

Ngày: 30 – 01 - 2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Đào

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Chín

2. Bà Lê Thị Thận

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Chang – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện  
Bù Đăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa:**  
Ông H Văn Đàm và ông Nguyễn Văn Khánh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 và 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện  
Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình S thụ lý số:  
158/2023/HSST ngày 24 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử  
số 13/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2024, đối với các bị cáo:

**1. Họ và tên:** Lương Anh T (tên gọi khác: Không), sinh năm: 1992 tại tỉnh  
Bắc Kạn.

Nơi cư trú: Thôn 3, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: làm rẫy;  
trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Tày; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; số căn  
cước công dân: 006092000713 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về Trật tự xã  
hội cấp ngày 28/6/2023; con ông Lương Văn T (đã chết) và bà Nông Thị N, sinh  
năm 1964; bị cáo là con duy nhất trong gia đình, chưa có vợ con; Tiền S: Không;  
Tiền án: Không;

Nhân thân: Ngày 14/8/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng xử phạt  
10.000.000 đồng về tội Đánh bạc theo Bản án số 80/2017/HSST, bị cáo đã chấp  
hành xong và đã được xóa án tích; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/4/2023 cho  
đến nay, có mặt tại phiên tòa.

**2. Họ và tên:** Nguyễn Long H (tên gọi khác: Không), sinh năm: 2001 tại  
tỉnh Bình Phước.

Nơi cư trú: Thôn 8, xã C, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: làm thuê;  
trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; số  
căn cước công dân: 070201007342 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về Trật tự

xã hội cấp ngày 19/10/2022; con ông Nguyễn Long H, sinh năm 1980 và bà Dương Thị V, sinh năm 1982; có vợ tên Huỳnh Thu H, sinh năm 2003 và 01 người con sinh năm 2022; tiền S, tiền án: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/4/2023 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Anh Nguyễn Văn Q, sinh ngày 01/6/2005

Địa chỉ: Thôn 1, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

- Chị Nguyễn Thị Thanh Th, sinh ngày 05/01/2006

- Chị Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 11/7/2007

- Chị Nguyễn Thị T M, sinh ngày 07/8/2007

Cùng địa chỉ: Thôn 6, xã C, huyện B, tỉnh Bình Phước.

(Đều vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

*Người giám hộ cho chị Th, chị N:* Bà Nguyễn Thị Thụy Th- Bí thư Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ huyện Bù Đăng. (Vắng mặt)

*Người giám hộ cho chị M:* Ông Nguyễn Xuân T- Bố ruột của chị M

Địa chỉ: Ấp D, xã E, huyện G, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

*Người làm chứng:* Anh Nông Công S, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn I, xã K, huyện B, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt N sau:*

Vào khoảng 19 giờ ngày 08/4/2023, Lương Anh T sử dụng ứng dụng phần mềm tin nhắn Facebook, Messenger có tên “Tuyen Anh” gọi điện thoại và nhắn tin vào tên Facebook “H Nguyễn” của Nguyễn Long H để nhờ mua ma túy với số tiền là 2.000.000 đồng thì H đồng ý. T và H hẹn nhau đến quán karaoke H M thuộc thôn 6, xã C, huyện B. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, H đến quán karaoke H M gặp T và Nguyễn Văn Q. T đưa cho H 2.000.000 đồng để mua ma túy, H sử dụng số điện thoại 0338.433.903 gọi cho một người tên H (không rõ nhân thân, lý lịch) có số điện thoại 0395.960.096 để hỏi mua ma túy thì H đồng ý bán và hẹn H đến khu vực thôn 7, xã Minh H để giao ma túy. Sau đó, T, H, Q cùng với Nguyễn Thị Thanh Th, sinh ngày: 05/01/2006; Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày: 11/7/2007; Nguyễn Thị T M, sinh ngày: 07/8/2007 (là 03 tiếp viên của quán) đi vào phòng karaoke Vip 1 để hát. Khoảng 10 phút sau, T đi ra nói với nhân viên của quán là có việc riêng tí quay lại hát tiếp. Nói xong, T cùng với Q đi taxi đến thị trấn Đức Phong để đón Nông Công S (là bạn của T) quay lại quán karaoke H M, còn H đi đến địa điểm do H đã hẹn trước đó để mua ma túy (gồm 02 viên ma túy thuốc lắc và 01 gói ma túy Ketamine). Sau khi mua được ma túy, H đi về nhà thuộc thôn 8, xã Minh H chờ T gọi thì quay lại quán karaoke. Đến khoảng hơn 21 giờ cùng ngày, T nhắn tin cho H quay lại phòng Vip 1 quán karaoke H M và khi H quay lại thì đã có T, Q, S và T, N, M đang hát ở trong phòng. Lúc này, H đưa gói ma túy vừa mua cho T thì T cầm lấy viên thuốc lắc cắn một góc nhỏ rồi để lại trên bàn, N đi xuống quầy lễ tân lấy 01 cái đĩa bằng sứ mang lên để H đổ ma túy ra đĩa, rồi H dùng thẻ nhựa nghiền nhỏ chia ma túy ra thành nhiều đường. H lấy trong túi ra một tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng để trên bàn

thì có một tiếp viên (không xác định được là ai) cuộn tờ tiền lại thành ống hút. Sau đó lần lượt T, Q, H, T, N, M sử dụng ma túy bằng hình thức hít ma túy vào mũi. Một lúc sau H đi về trước, còn lại T, Q, N, T, M ở lại hát karaoke và sử dụng ma túy. Riêng Nông Công S nằm ngủ không sử dụng ma túy. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 09/4/2023, Công an huyện Bù Đăng phối hợp với bị Công an xã Minh H kiểm tra, phát hiện việc sử dụng ma túy. Thấy có dấu hiệu tội phạm, nên Công an huyện Bù Đăng đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T, thu giữ 01 đĩa sứ hình tròn có chất màu trắng; 01 thẻ nhựa (loại thẻ gắn sim); 01 tờ tiền polime mệnh giá 20.000 đồng bám dính chất màu trắng; chất dạng cục bột (màu xám đen) được niêm phong (Ký hiệu M1 và M2 có chữ ký của T), đồng thời thu giữ ở phòng karaoke 01 gói nylon, thu giữ 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro màu trắng và số tiền 56.225.000 đồng của T. Ngày 11/4/2023, Nguyễn Long H đến Công an xã C, huyện B đầu thú, giao nộp 01 điện thoại màu đen hiệu Iphone 7 Plus và khai nhận toàn bộ quá trình thực hiện hành vi phạm tội N trên.

- Tại Kết luận giám định phòng số: 419/KL-KTHS ngày 17/4/2023 của Phòng kỹ thuật hình S - Công an tỉnh Bình Phước, kết luận:

- Chất màu trắng (Ký hiệu M1) bám dính trên đĩa sứ, tờ tiền, thẻ nhựa được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, không xác định được khối lượng do mẫu ở dạng vết.

- Chất màu xám đen (ký hiệu M2) được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại MDMA, có khối lượng là 0,0627 gam.

Tại bản cáo trạng số 157/CT-VKS ngày 20/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước truy tố các bị cáo Lương Anh T, Nguyễn Long H về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*" theo điểm b, c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình S.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều luật mà mức hình phạt N sau:

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình S, đề nghị xử phạt bị cáo Lương Anh T mức án từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù; bị cáo Nguyễn Long H mức án từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo đang bị tạm giam, không có thu nhập nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình S, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình S: Tịch thu tiêu hủy 01 đĩa sứ, 01 thẻ nhựa màu xanh; tịch thu sung Ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone Plus màu đen; 01 điện thoại di động Iphone 11 Promax màu trắng và số tiền 20.000 đồng.

- Đối với Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 11/7/2007, có hành vi cung cấp đĩa sứ cho người khác làm dụng cụ dùng để sử dụng ma túy. Tuy nhiên vào ngày 08/4/2023, N mới 15 tuổi 08 tháng 27 ngày. Theo khoản 2 Điều 12 Bộ luật Hình S, thì N không phải chịu trách nhiệm hình S về Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Kết quả test nhanh thì N dương tính với ma túy, loại Ketamine. Do đó, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bù Đăng đã xử phạt hành chính, nên không đề cập xử lý.

- Đối với Nguyễn Thị T M, Nguyễn Thị Thanh Th, Nguyễn Văn Q được sử dụng ma túy ở trong phòng karaoke do T thuê, nH không giúp sức hay liên quan gì đến hành vi phạm tội của các bị can. Do đó, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bù Đăng đã xử phạt hành chính, nên không đề cập.

- Đối với người đàn ông tên H bán ma túy cho H, không xác định được nhân thân, lý lịch, không có tài liệu, chứng cứ khác, không có căn cứ xử lý. Do đó, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bù Đăng không đề nghị, nên không đề cập.

- Đối với Đỗ Văn Long, là nhân viên quán Karaoke H M đã cho Lương Anh T thuê phòng Vip 1 để hát karaoke đúng theo quy định, không biết các bị can sử dụng ma túy và cũng không giúp sức, không có tài liệu, chứng cứ khác, không có căn cứ xử lý. Do đó, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bù Đăng không đề nghị, nên không đề cập.

- Đối với Nông Công S, kết quả xét nghiệm âm tính với chất ma túy. S không bàn bạc, hay góp tiền với H, T để mua ma túy và cũng không sử dụng ma túy. Do đó, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bù Đăng không đề nghị, nên không đề cập.

Tại phiên tòa bị cáo Lương Anh T chỉ thừa nhận việc dùng số tiền 2.000.000 đồng nhờ bị cáo Nguyễn Long H mua ma túy để sử dụng và chỉ rủ bị cáo H sử dụng ma túy, đồng thời nhờ bị cáo H chia ma túy cho bị cáo và H sử dụng. Đối với việc anh Q, chị Th, chị M, chị N tự ý sử dụng ma túy thì bị cáo không biết.

Bị cáo Nguyễn Long H chỉ thừa nhận bị cáo mua ma túy giùm cho bị cáo T, mang ma túy đến quán karaoke và cùng bị cáo T sử dụng ma túy, còn việc anh Q, chị Th, chị M, chị N sử dụng ma túy thì bị cáo không biết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định N sau:*

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình S. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa bị cáo Lương Anh T không thừa nhận việc bị cáo rủ anh Nguyễn Văn Q sử dụng ma túy và không biết việc anh Q, chị N, chị Th, chị M lấy ma túy để sử dụng. Tuy nhiên, tại bản tường trình của bị cáo vào các ngày 09/4/2023, 10/04/2023, ngày 18/4/2023; biên bản lấy lời khai ngày 09/4/2023, ngày 10/4/2023, ngày 18/4/2023, ngày 24/10/2024 (Bút lục từ 76 đến 85) bị cáo đều khai nội dung sau khi H chuẩn bị ma túy xong thì bị cáo H ở lại sử dụng ma túy cùng anh Q và các tiếp viên được khoảng 30 phút thì H đi ra về, H về thì số ma túy còn lại bị cáo cùng với anh Q và chị M, chị Th, chị N truyền tay nhau sử dụng. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/11/2023 (Bút lục 189) do Kiểm sát viên lấy lời khai bị cáo cũng thừa nhận “*khí H bỏ ma Túy ra thì một nhân viên (không nhớ là ai) là người*

*cuộn tờ tiền làm ống hút và chúng tôi cùng nhau sử dụng đến khi bị bắt*”. Lời khai này của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo H, anh Q, chị M, chị Th, chị N về việc bị cáo cùng với bị cáo H, anh Q, chị M, chị Th, chị N cùng sử dụng ma túy. Tại phiên tòa bị cáo khẳng định trong quá trình làm việc tại cơ quan điều tra bị cáo không bị ép cung, tại cuối các biên bản lấy lời khai bị cáo cũng tự viết nội dung đã đọc lại biên bản và cam đoan nội dung khai là đúng S thật. Đồng thời, tại phiên tòa bị cáo thừa nhận bị cáo là người bỏ tiền ra nhờ bị cáo H mua ma túy, bị cáo là người đặt phòng Karaoke và rủ bị cáo H sử dụng ma túy.

Đối với bị cáo Nguyễn Long H, mặc dù tại phiên tòa bị cáo không thừa nhận việc đưa ma túy cho anh Q, chị N, chị Th, chị M sử dụng và không biết việc NH người này sử dụng ma túy. Tuy nhiên, tại bản tường trình, các biên bản lấy lời khai của bị cáo (từ Bút lục 99 đến 115) bị cáo đều xác định bị cáo là người đổ ma túy ra đĩa, dùng thẻ nhựa nghiền nhỏ ma túy, chia ma túy thành nhiều đường trên đĩa rồi cùng T, các bạn của T và các tiếp viên cùng sử dụng. Lời khai này của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo T và chị M, chị Th, chị N tại cơ quan điều tra và lời khai của anh Q tại phiên tòa. Tại phiên tòa, bị cáo H cũng thừa nhận là người đi mua ma túy giùm bị cáo T và mang đến quán karaoke, sử dụng tờ tiền 20,000 đồng cuộn lại làm ống hút, chia ma túy ra để bị cáo và bị cáo T sử dụng.

Từ phân tích trên cho thấy việc bị cáo T và bị cáo H khai không biết anh Q và chị Th, chị M, chị N sử dụng ma túy là không có cơ sở. Căn cứ vào lời khai của các bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra, truy tố và phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng vụ án; kết luận giám định số 233/2022/GĐ-MT ngày 13/10/2022 của Phòng kỹ thuật hình S Công an tỉnh Bình Phước. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 19 giờ ngày 08/4/2023, Lương Anh T nhờ Nguyễn Long H mua ma túy với số tiền 2.000.000 đồng mang về sử dụng chung thì H đồng ý. T đặt phòng Vip 1 của quán Karaoke H M thuộc thôn 6, xã C, huyện B, tỉnh Bình Phước để hát và sử dụng ma túy. Khi đến quán Karaoke thì H đưa cho T gói ma túy, T lấy thuốc lắc ra sử dụng bằng cách cắn một góc nhỏ, số ma túy còn lại T để trên bàn. H lấy tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng ra để trên bàn làm ống hút và cầm gói ma túy đổ vào đĩa sứ rồi dùng thẻ nhựa nghiền nhỏ rồi chia ma túy ra thành nhiều đường. Sau đó, T, H, Q, M, N, T cùng nhau sử dụng bằng hình thức hít ma túy vào mũi. Tại thời điểm này anh Q, chị M, chị N, chị Th đều chưa đủ 18 tuổi. Cả nhóm chơi đến 00 giờ 30 ngày 09/4/2023, thì bị Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bù Đăng phối hợp Công an xã Minh H tới kiểm tra phát hiện bắt quả tang người cùng tang vật. Hành vi của các bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình S.

Do vậy, nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình S, nhận thức rõ được chất ma túy là rất độc hại khi đưa vào cơ thể mình và người khác là hành vi vi phạm pháp luật, không những nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội, góp phần làm gia tăng tệ nạn xã hội mà còn gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, tính mạng và S phát triển lành mạnh của chính bị cáo cũng N của người khác. NH

vì để thỏa mãn nhu cầu của bản thân và bạn bè của các bị cáo nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

Trong vụ án này 02 bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội, nH không có S bàn bạc, câu kết chặt chẽ, không phân công vai trò cụ thể, nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không phạm tội có tổ chức. Bị cáo T là người khởi xướng, đưa tiền mua ma túy, chuẩn bị địa điểm để cho nhiều người cùng sử dụng, còn bị cáo H là người trực tiếp mua giùm mà túy mang đến cho bị cáo T, đồng thời là người chế biến ma túy, sử dụng tờ tiền 20.000đồng của mình để làm công cụ cho các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sử dụng. Các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình S tương ứng với hành vi phạm tội đã gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình S:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình S theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình S.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình S: Tại phiên tòa mặc dù các bị cáo có thái độ quanh co không thừa nhận một số hành vi nH tại phần tranh luận các bị cáo đã thừa nhận và hối hận về hành vi của mình. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn áp dụng tình tiết thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình S cho các bị cáo. Các bị cáo tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nH không nhằm mục đích thu lợi bất chính; bị cáo T là người dân tộc thiểu số, bị cáo là con duy nhất trong gia đình, bố bị cáo đã chết, bị cáo còn mẹ già. Bị cáo H có con nhỏ, tại phiên tòa gia đình bị cáo cung cấp tài liệu thể hiện ông ngoại bị cáo tham gia kháng chiến được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình S quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình S 2015 để xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt mà đáng lẽ ra các bị cáo phải chịu.

[6] Sau khi cân nhắc tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử thấy cần cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, phù hợp với hành vi phạm tội của từng bị cáo, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và răn đe, phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hiện nay các bị cáo đang bị tạm giam, không có thu nhập nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

[8] Đối với chị Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 11/7/2007, có hành vi cung cấp đĩa sù cho người khác làm dụng cụ dùng để sử dụng ma túy. Tuy nhiên vào ngày 08/4/2023, chị N mới 15 tuổi 08 tháng 27 ngày. Theo khoản 2 Điều 12 Bộ luật Hình S, thì chị N không phải chịu trách nhiệm hình S về Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Kết quả test nhanh thì chị N dương tính với ma túy, loại Ketamine. Do đó, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bù Đăng đã xử phạt hành chính nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Đối với chị Nguyễn Thị T M, chị Nguyễn Thị Thanh Th, anh Nguyễn Văn Q được sử dụng ma túy ở trong phòng karaoke do T thuê, nH không giúp sức hay liên quan gì đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Do đó, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bù Đăng đã xử phạt hành chính nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Đối với người đàn ông tên H bán ma túy cho H, không xác định được nhân thân, lý lịch, không có tài liệu, chứng cứ khác, không có căn cứ xử lý. Do đó, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bù Đăng không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Đối với anh Đỗ Văn Long, là nhân viên quán Karaoke H M đã cho Lương Anh T thuê phòng Vip 1 để hát karaoke đúng theo quy định, không biết các bị cáo sử dụng ma túy và cũng không giúp sức, không có tài liệu, chứng cứ khác, không có căn cứ xử lý. Do đó, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bù Đăng không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Đối với anh Nông Công S, kết quả xét nghiệm âm tính với chất ma túy. S không bàn bạc, hay góp tiền với H, T để mua ma túy và cũng không sử dụng ma túy. Do đó, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bù Đăng không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Vật chứng vụ án: Các vật chứng 01 đĩa sứ, 01 thẻ nhựa không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 điện thoại di động Iphone Plus màu đen và 01 điện thoại di động Iphone 11 Promax màu trắng; số tiền 20.000đồng là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng phạm tội nên cần tịch thu sung Ngân sách nhà nước.

[14] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[15] Quan điểm của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Tuyên bố:** Bị cáo Lương Anh T, Nguyễn Long H phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”

**2. Điều luật áp dụng và mức hình phạt:** Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình S 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Lương Anh T **08 (tám) năm tù**. Thời hạn tù được tính từ ngày 09/4/2023.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Long H **07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù được tính từ ngày 11/4/2023.

**3. Vật chứng vụ án:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình S năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình S năm 2015;

Tịch thu tiêu hủy 01 đĩa sứ, 01 thẻ nhựa màu xanh.

Tịch thu sung Ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone Plus màu đen; 01 điện thoại di động Iphone 11 Promax màu trắng; tờ tiền mệnh giá 20.000đồng.

*(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0010108 quyển số 0203 ngày 23/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân S huyện Bù Đăng và Giấy nộp tiền ngày 24/11/2023 tại Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Bù Đăng).*

4. Án phí hình S sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Buộc bị cáo Lương Anh T, Nguyễn Long H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CA huyện Bù Đăng;
- CC THADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trương Thị Đào**